

Số: /BGDDĐT-GDDT
V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 đối với giáo dục dân tộc

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2024

Kính gửi:

- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các trường dự bị đại học;
- Trường Hữu Nghị 80, Trường Hữu Nghị T78, Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn các sở GDĐT; các trường dự bị đại học, Trường Hữu Nghị 80, Trường Hữu Nghị T78, Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc (sau đây gọi chung là các đơn vị) thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 đối với giáo dục dân tộc (GDDT) như sau:

A. NHIỆM VỤ CHUNG

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương của Đảng, Quốc hội và Nhà nước về đổi mới và phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi¹ (DTTS, MN). Rà soát, đánh giá các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục để ưu tiên nguồn lực đầu tư kiến cố hóa trường lớp, thiết bị dạy học cho cơ sở giáo dục ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; thực hiện tốt chính sách đối với người dạy, người học, cơ sở giáo dục vùng đồng bào DTTS, MN; tập trung triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 phù hợp với vùng đồng bào DTTS, MN; tăng cường các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào DTTS, MN, đặc biệt trong các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT) và các trường dự bị đại học; bảo tồn và phát triển tiếng nói, chữ viết của DTTS; quan tâm giáo dục văn hóa

1- Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI "Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"; Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 42/NQ-TW ngày 24/11/2023 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 841/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030; Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 17/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng DTTS và MN giai đoạn 2019-2025.

dân tộc cho học sinh vùng đồng bào DTTS, MN; đổi mới và tăng cường công tác quản lý GDĐT, công tác thông tin, truyền thông về GDĐT.

B. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

I. Rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi

1. Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục ở vùng đồng bào DTTS, MN, nhất là các trường PTDTNT, PTDTBT, trường phổ thông có tổ chức ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú phù hợp với quy hoạch và điều kiện thực tế của địa phương². Việc sắp xếp đảm bảo nguyên tắc có lộ trình cụ thể, hợp lý, thuận lợi cho việc học tập của học sinh, gắn với các điều kiện đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục mầm non, phổ thông.

2. Thực hiện các giải pháp nhằm tăng tỷ lệ huy động trẻ em, học sinh DTTS ở các cấp học từ mầm non đến phổ thông đi học đúng độ tuổi; tăng tỷ lệ trẻ em DTTS 5 tuổi đi học mẫu giáo, tỷ lệ học sinh DTTS hoàn thành cấp tiểu học, trung học cơ sở; giảm tỉ lệ học sinh bỏ học, nghỉ học; duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục các cấp học nhằm hoàn thành các mục tiêu phát triển bền vững đối với đồng bào DTTS lĩnh vực GDĐT.

3. Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác rà soát, đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục ở địa phương. Ưu tiên quan tâm rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất trường, lớp, đặc biệt chú ý đối với các trường ở khu vực có nguy cơ sạt lở đất, gần sông suối để có kế hoạch, lộ trình cụ thể bổ sung, hoàn thiện các điều kiện nhằm đảm bảo an toàn cho trẻ em và học sinh, nâng cao chất lượng giáo dục các cấp học vùng đồng bào DTTS, MN.

4. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục vùng đồng bào DTTS, MN đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tập trung triển khai thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS, MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT³ và tình hình thực tế, các địa phương xây dựng kế hoạch giai

2 - Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 135/2018/NĐ-CP); Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06/02/2023 của Bộ GDĐT ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTBT; Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ GDĐT ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT; Công văn số 826/BGDĐT-CSVC ngày 29/02/2024 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện sắp xếp, tổ chức lại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và thường xuyên.

³ Công văn số 1856/BGDĐT-GDDT ngày 26/4/2023 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 5 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg (thay thế Công văn số 2184/BGDĐT-GDDT ngày 26/5/2022 của Bộ GDĐT); Công văn số 1399/BGDĐT-GDDT ngày 30/03/2023 của Bộ GDĐT về việc triển khai

đoạn và hằng năm triển khai thực hiện hiệu quả Tiêu dự án 1 - Dự án 5, đặc biệt việc kiên cố hóa trường lớp, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các trường PTDTNT, PTDTBT, trường phổ thông có tổ chức ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú tại địa phương.

5. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá các Chương trình, Dự án, Đề án có liên quan đến ưu tiên đầu tư hỗ trợ phát triển giáo dục vùng đồng bào DTTS, MN giai đoạn 2021-2025, trên cơ sở đó tiếp tục đề xuất, tham mưu phương hướng thực hiện trong giai đoạn tiếp theo.

II. Thực hiện chế độ, chính sách phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi

1. Tiếp tục thực hiện đúng, đủ kịp thời các chế độ, chính sách đối với người dạy, người học và các cơ sở giáo dục ở vùng đồng bào DTTS, MN, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn⁴. Thực hiện nghiêm túc chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên DTTS, đảm bảo cử tuyển đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch. Chú trọng công tác xây dựng kế hoạch cử tuyển của địa phương gắn với quy hoạch sử dụng nguồn nhân lực của địa phương, của vùng để đảm bảo người đi học theo chế độ cử tuyển được xét tuyển và bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp theo quy định. Thực hiện tốt cơ chế phối hợp quản lý đào tạo cử tuyển giữa địa phương với cơ sở đào tạo.

2. Thực hiện rà soát, đánh giá tình hình thực hiện chính sách đối với người dạy, người học và cơ sở giáo dục vùng đồng bào DTTS, MN; chính sách cử tuyển; chính sách hỗ trợ, tài trợ đối với giáo dục vùng đồng bào DTTS, MN

thực hiện Tiêu dự án 1 - Dự án 5 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg năm 2023; Quyết định số 693/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2022 của Bộ GDĐT ban hành kế hoạch thực hiện các nội dung do Bộ GDĐT chủ trì thuộc Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1 từ năm 2021-2025; Quyết định số 2182/QĐ-BGDĐT ngày 09/8/2022 của Bộ GDĐT ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 668/QĐ-BGDĐT ngày 28/02/2024 của Bộ GDĐT về Bổ sung khoản 6 vào Mục III Quyết định số 2182/QĐ-BGDĐT ngày 09/8/2022 của Bộ GDĐT ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS, MN giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ GDĐT; Quyết định số 669/QĐ-BGDĐT ngày 28/02/2024 của Bộ GDĐT ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS, MN năm 2024 của Bộ GDĐT; Quyết định số 2139/QĐ-BGDĐT ngày 14/8/2024 của Bộ GDĐT ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS, MN năm 2025 của Bộ GDĐT.

⁴ Chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ); chính sách đối với học sinh các trường PTDTNT và trường DBĐH theo Thông tư số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT; chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở thôn, xã đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016; chính sách đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên DTTS rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017; chính sách học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách cho học sinh, sinh viên theo quy định tại Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020; chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên DTTS theo Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020; chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019; chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo quy định tại Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021.

để đề xuất, tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách phát triển giáo dục dân tộc.

3. Thực hiện công tác tham mưu cấp có thẩm quyền của địa phương ban hành các chính sách nhằm hỗ trợ phát triển giáo dục dân tộc trên địa bàn. Rà soát, đánh giá tác động của chính sách mới ban hành⁵, ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh đến người dạy, người học ở vùng đồng bào DTTS, MN, vùng đặc biệt khó khăn để tham mưu đề xuất với cấp có thẩm quyền của địa phương có chính sách hỗ trợ kịp thời.

III. Thực hiện các hoạt động giáo dục đặc thù

1. Thực hiện nghiêm túc các quy định về quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT⁶, trường PTDTBT⁷.

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm các quy định về công tác tuyển sinh, đảm bảo tuyển chọn những học sinh ưu tú của các DTTS vào học trường PTDTNT theo quy định hiện hành⁸. Đối với trường Hữu nghị 80 và trường Hữu nghị T78 tuyển sinh theo Đề án tuyển sinh đã được Bộ GDĐT phê duyệt. Đối với tuyển sinh dự bị đại học thực hiện theo quy định⁹ và Đề án tuyển sinh đã được Bộ GDĐT phê duyệt.

- Tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức cho học sinh về chủ trương, đường lối, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, về bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc Việt Nam. Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền và phổ biến giáo dục pháp luật cho học sinh.

- Bảo đảm các điều kiện ăn, ở, sinh hoạt và học tập cho trẻ em, học sinh nội trú, bán trú; an ninh, an toàn trường học, phòng tránh nạn tảo hôn, các hủ tục lạc hậu và duy trì sĩ số trẻ em, học sinh trong các cơ sở giáo dục ở vùng đồng bào DTTS, MN, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng

⁵ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 19/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 19/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào DTTS, MN giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh tên huyện, xã, thôn đặc biệt khó khăn; thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

⁶ Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú.

⁷ Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06/02/2023 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú.

⁸ Chỉ thị số 733/CT-BGDĐT ngày 10/5/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc chấn chỉnh thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy khi thực hiện TTHC, dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

⁹ Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh, bồi dưỡng dự bị đại học; xét chuyển vào học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non đối với học sinh dự bị đại học.

DTTS giai đoạn 2018-2025” đảm bảo mục tiêu 100% các trường, lớp bán trú và dân tộc nội trú được tuyên truyền kỹ năng sống, về giới và bình đẳng giới với nội dung và thời lượng phù hợp với lứa tuổi. Chú trọng giáo dục văn hóa dân tộc, giáo dục đạo đức, lối sống, giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh thông qua các hoạt động giáo dục; thực hiện hiệu quả công tác tư vấn tâm lý, công tác xã hội cho học sinh; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và địa phương trong quản lý, giáo dục học sinh, đặc biệt quan tâm đến đối tượng học sinh bán trú nhỏ tuổi sớm phải xa gia đình; tăng cường an ninh, an toàn trường học, đảm bảo môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường và xây dựng trường học hạnh phúc.

- Tổ chức tốt hoạt động lao động sản xuất cải thiện điều kiện ăn, ở, học tập của học sinh. Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học, chú trọng giáo dục học sinh tinh thần tương thân tương ái, đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập và sinh hoạt; ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, xây dựng nếp sống văn minh, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường, tham gia tuyên truyền trong gia đình, cộng đồng về xóa bỏ các hủ tục (tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, bắt vợ,...).

- Tổ chức tốt công tác quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và hoạt động tự học của học sinh. Công tác nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh đảm bảo dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định. Chủ động phối hợp với các cơ sở y tế của địa phương chăm sóc sức khỏe cho học sinh, tích cực phòng ngừa và ứng phó với dịch bệnh và các tình huống bất thường khác.

- Khuyến khích triển khai mô hình giáo dục nhà trường gắn với thực tiễn sản xuất kinh doanh của địa phương; tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, lập nghiệp cho học sinh trong các trường PTDTNT cấp THPT; huy động các nguồn lực tài chính và các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các hoạt động dạy học/giáo dục trong nhà trường theo hướng lý thuyết gắn với thực hành và thực tiễn.

- Phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên trên địa bàn để đào tạo và công nhận kỹ năng nghề cho học sinh. Tiếp tục tổ chức tốt các hoạt động giáo dục hướng nghiệp - dạy nghề truyền thống phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Dạy học tiếng dân tộc thiểu số

a) Thực hiện việc dạy tiếng dân tộc thiểu số trong trường phổ thông:

- Tiếp tục triển khai dạy học tiếng DTTS trong các trường phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên theo Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ và Thông tư số 32/2021/TT-BGDĐT ngày 21/11/2021 của Bộ GDĐT, phù hợp với nhu cầu và thực tiễn của địa phương.

- Thực hiện dạy học các tiếng Bahnar, Chăm, Êđê, Khmer, Jrai, Mnông, Mông, Thái lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 theo hướng dẫn của Bộ GDĐT¹⁰.

- Tăng cường bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên (CBQL, GV) dạy tiếng DTTS về nội dung, chương trình được Bộ GDĐT ban hành tại Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT. Phối hợp với Bộ GDĐT tổ chức hiệu quả việc tập huấn CBQL, GV cốt cán dạy học tiếng DTTS về đổi mới phương pháp, kiểm tra, đánh giá chương trình lớp 1 tiếng DTTS trong năm 2024. Nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL có liên quan về kiến thức dân tộc và quản lý dạy học tiếng DTTS.

- Ngoài 8 chương trình, sách giáo khoa tiếng DTTS đã ban hành, đối với các địa phương có nhiều người DTTS sinh sống, các Sở GDĐT chủ động, tích cực tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch, đề án dạy học tiếng DTTS, bảo đảm các điều kiện tổ chức dạy học và thực hiện thủ tục đưa tiếng DTTS có đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh vào dạy học trong trường phổ thông theo quy định.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ chính sách đối với người dạy, người học tiếng DTTS theo quy định. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về dạy học tiếng DTTS, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đối với việc dạy học tiếng DTTS.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan hữu quan như Ban Dân tộc, Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Đài Phát thanh và Truyền hình, các báo địa phương để xây dựng các ấn phẩm sách, báo, chương trình truyền hình bằng tiếng nói, chữ viết DTTS nhằm cung cấp thêm tài liệu, thông tin, học liệu tham khảo cho giáo viên và học sinh trong dạy và học tiếng DTTS ở trường phổ thông.

b) Triển khai Chương trình "Nâng cao chất lượng các môn học tiếng dân tộc thiểu số trong chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 - 2030"¹¹

- Các địa phương chủ động rà soát đội ngũ giáo viên dạy tiếng DTTS, phối hợp với các trường đại học có phương án thực hiện đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu dạy học tiếng DTTS. Đẩy mạnh việc bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý dạy học tiếng DTTS cho đội ngũ CBQL có liên quan nhằm phát triển đội ngũ GV tiếng DTTS đạt chuẩn về trình độ được đào tạo, đáp ứng nhu cầu dạy học tiếng DTTS trên địa bàn.

- Quan tâm ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tiếng DTTS, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học tiếng

¹⁰ Công văn số 3550/BGDĐT-GDDT ngày 20/8/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn dạy học môn học tiếng DTTS cho học sinh lớp 1 năm học 2021-2022; Công văn số 6076/BGDĐT-GDDT ngày 17/11/2022 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn dạy học môn học tiếng DTTS cho học sinh lớp 2 năm học 2022-2023; Công văn số 3897/BGDĐT-GDDT ngày 03/8/2023 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn dạy học môn học tiếng DTTS cho học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3 năm học 2023-2024; Công văn số 4557/BGDĐT-GDDT ngày 22/8/2024 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn dạy học môn học tiếng DTTS cho học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 năm học 2024-2025.

¹¹ Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 27/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình "Nâng cao chất lượng các môn học tiếng dân tộc thiểu số trong chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 - 2030".

DTTS, xây dựng cơ sở dữ liệu về dạy học tiếng DTTS, ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển kho học liệu dạy học tiếng DTTS

c) Dạy tiếng DTTS cho cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang công tác ở vùng DTTS, MN

- Tiếp tục thực hiện việc đào tạo GV dạy tiếng DTTS, tổ chức bồi dưỡng tiếng DTTS đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang công tác ở vùng DTTS, MN theo Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 29/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số.

- Thực hiện tốt chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức người DTTS học tiếng DTTS theo quy định hiện hành và thực hiện nghiêm túc các quy định về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định¹².

IV. Tăng cường công tác quản lý giáo dục dân tộc, truyền thông, thông tin về giáo dục dân tộc

1. Tăng cường công tác quản lý giáo dục dân tộc

- Các sở GDĐT tiếp tục tham mưu với cấp uỷ, chính quyền địa phương về phát triển GDDT; thực hiện nghiêm túc phân cấp quản lý về GDDT theo các quy định hiện hành; đề xuất các cơ chế chính sách, giải pháp thiết thực, cụ thể nhằm nâng cao chất lượng GDDT.

- Chú trọng hoàn thiện hệ thống quản lý, chỉ đạo GDDT ở các địa phương có đông học sinh DTTS, bảo đảm sở GDĐT phải có bộ phận đầu mối quản lý, chỉ đạo về GDDT của địa phương.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về GDDT của địa phương theo các cấp học và theo từng DTTS. Thực hiện tốt công tác thông tin, báo cáo, đáp ứng có chất lượng, kịp thời các văn bản chỉ đạo về GDDT của Bộ GDĐT.

- Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục vùng đồng bào DTTS, MN: về số lượng, chất lượng cơ cấu đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; cơ sở vật chất thiết bị của cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông vùng đồng bào DTTS, MN, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; việc dạy học tiếng DTTS cho học sinh trong trường phổ thông và dạy tiếng DTTS cho cán bộ, công chức, viên chức ngành giáo dục công tác ở vùng đồng bào DTTS, MN; giáo dục văn hóa dân tộc trong các cơ sở giáo dục vùng đồng bào DTTS, MN, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

¹² Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 của Bộ Tài chính).

- Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, đánh giá các đơn vị về quản lý hoạt động giáo dục, về thực hiện quy chế dân chủ, trách nhiệm giải trình, đảm bảo sự tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định tại Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

2. Truyền thông, thông tin về giáo dục dân tộc

- Tiếp tục đẩy mạnh việc quán triệt, tuyên truyền về các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Bộ GDĐT về đổi mới giáo dục và đào tạo, đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo thực hiện chương trình chương trình giáo dục phổ thông 2018; các chủ trương, chính sách mới về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS, MN.

- Chủ động phối hợp xử lý kịp thời, hiệu quả các vấn đề truyền thông liên quan đến GDDT; các vấn đề mang tính thời sự, đột xuất, xã hội quan tâm đề nhân dân phối hợp, hiểu, chia sẻ, ủng hộ và đồng hành cùng ngành Giáo dục.

- Tăng cường truyền thông rộng rãi những tấm gương người tốt, việc tốt trong phát triển GDDT, biểu dương những nỗ lực của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh nhằm khích lệ, động viên, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong ngành giáo dục và xã hội.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở nội dung hướng dẫn và căn cứ tình hình thực tiễn địa phương, đơn vị, Bộ GDĐT yêu cầu các Sở GDĐT, các đơn vị nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 về Bộ GDĐT trước ngày 30/6/2025. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị thông tin về Bộ GDĐT (Vụ Giáo dục dân tộc; địa chỉ số 35 đường Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; hộp thư điện tử: vugddt@moet.gov.vn để kịp thời giải quyết. *lu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Ủy ban Dân tộc (để phối hợp chỉ đạo);
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ GDĐT;
- Website Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ GDDT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Kim Chi